

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	6 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm ngày 27/09/2017)
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm ngày 27/09/2017)
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm ngày 30/05/2017)
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 30/05/2017)
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 27/09/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc (Từ nhiệm ngày 19/09/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Cẩm La Hương

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30.09.2017	01.01.2017
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		615.167.029.996	42.692.196.242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		172.932.703.783	2.225.444.575
1. Tiền	111	4	172.932.703.783	2.225.444.575
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		408.204.072.174	40.466.751.667
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	25.979.322.900	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	73.681.204.090	40.000.000.000
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	169.211.203.190	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	139.332.341.994	466.751.667
IV. Hàng tồn kho	140		13.617.988.662	
1. Hàng tồn kho	141	9	13.617.988.662	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.412.265.377	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	20.355.953.538	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53.311.839	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.000.000	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.175.778.051.716	284.886.927.645
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.800.067.325	
6. Phải thu dài hạn khác	216	8	17.800.067.325	
II. Tài sản cố định	220		325.715.656.435	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	273.172.196.678	
- Nguyên giá	222		283.164.946.362	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.992.749.684)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	52.543.459.757	
- Nguyên giá	228		60.358.273.812	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.814.814.055)	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.803.520.521	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	9.803.520.521	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	179.361.530.000	284.853.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		178.850.000.000	284.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		599.100.000	853.700.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(87.570.000)	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		643.097.277.435	33.227.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	87.115.878.659	33.227.645
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		727.906.503	
5. Lợi thế thương mại	269	15	555.253.492.273	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.790.945.081.712	327.579.123.887

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30.09.2017	01.01.2017
1	2	3	4	5
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		649.382.863.675	3.002.518.673
I. Nợ ngắn hạn	310		535.003.420.935	3.002.518.673
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	46.751.289.995	3.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55.523.554.904	50.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	17	52.111.213.731	2.785.479.887
4. Phải trả người lao động	314		31.637.953.772	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	18.945.145.281	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	206.162.773.426	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		4.217.192.004	164.038.786
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	119.654.297.822	
II. Nợ dài hạn	330		114.379.442.740	
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	18	83.193.253.931	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	30.799.959.291	
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	386.229.518	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21	1.141.562.218.037	324.576.605.214
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.141.562.218.037	324.576.605.214
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		688.800.000.000	313.010.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		90.531.970.000	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		179.797.397.243	11.566.005.214
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.566.005.214	(298.875.129)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		168.231.392.029	11.864.880.343
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		182.432.850.794	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.790.945.081.712	327.579.123.887



Vũ Cẩm La Hương
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		244.271.309.706	-	328.248.315.632	11.598.970.340
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.052.943.500	-	4.487.443.500	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	240.218.366.206	-	323.760.872.132	11.598.970.340
4. Giá vốn hàng bán	11	23	104.044.725.514	-	120.875.023.891	11.525.270.440
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		136.173.640.692	-	202.885.848.241	73.699.900
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.450.378.771	-	111.548.822.234	1.393.489.882
7. Chi phí tài chính	22	25	1.737.454.013	-	2.293.484.068	228.194.338
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.616.304.066	-	1.880.017.509	-
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	26	56.115.211.366	-	70.355.180.278	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	31.179.838.455	185.474.132	38.002.470.873	912.971.470
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		50.591.515.629	(185.474.132)	203.783.535.256	326.023.974
12. Thu nhập khác	31		387.295.792	20.031.467	426.307.323	20.031.467
13. Chi phí khác	32		682.791.331	3.957.700	682.907.732	3.957.709
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(295.495.539)	16.073.767	(256.600.409)	16.073.758
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		50.296.020.090	(169.400.365)	203.526.934.847	342.097.732
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	13.210.255.500	-	25.034.250.390	42.524.595
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(364.618.832)	-	(364.618.832)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		37.450.383.422	(169.400.365)	178.857.303.289	299.573.137
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		31.173.387.945	(169.400.365)	168.231.392.029	299.573.137
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.276.995.477	-	10.625.911.260	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	477	(27)	3.688	48



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	203.526.934.847	344.897.741
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	25.770.532.106	27.749.997
- Các khoản dự phòng	03	87.570.000	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(102.544.421.062)	
- Chi phí lãi vay	06	1.616.304.066	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	128.456.919.957	372.647.738
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	49.592.232.015	(46.323.774.306)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.646.759.425)	(2.261.740.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	52.017.404.950	(767.197.496)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	28.321.439.484	(25.403.529)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	20.550.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.364.537.399)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.953.891.362)	(106.270.711)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	242.422.808.220	(28.561.738.304)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(206.948.774.013)	(370.000.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(42.510.000.000)	(488.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	87.115.710.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(493.795.004.520)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	45.711.600.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.446.028.771	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(606.980.439.762)	(858.500.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	466.321.370.000	-
1. Tiền thu từ đi vay	33	319.322.816.024	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(250.379.295.274)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	535.264.890.750	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	170.707.259.208	(29.420.238.304)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.225.444.575	30.694.690.503
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	172.932.703.783	1.274.452.199



Vi Công La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Apex Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 8 ngày 14/08/2017. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 688.800.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con sở hữu trực tiếp:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
I	Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (i)	Tp. Hà Nội	68,91%	68,91%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Igarten	Tp. Hà Nội	53,83%	53,83%	Giáo dục mầm non

Danh sách các công ty liên kết trực tiếp: Không có

Danh sách các công ty liên kết gián tiếp: là các công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax				
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	31,01%	45,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu
3	Công ty cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài).

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm: toàn bộ các công ty con sở hữu trực tiếp và các công ty liên kết gián tiếp như trình bày tại Thuyết minh số 1.

Ghi chú: Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten trở thành công ty con của Công ty từ ngày 04/08/2017, theo đó số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 04/08/2017 đến ngày 30/09/2017 của công ty này được cộng hợp vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 79,87% vốn điều lệ của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các công ty liên kết gián tiếp của Công ty;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất :

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chi tiêu hợp nhất biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (tương ứng thời gian 120 tháng).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ, trong đó:

- (i) Giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con;
- (ii) Giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ được xác định bằng giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Máy móc, thiết bị	03 - 12

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 - 5 năm đối với phần mềm máy tính và 10 năm đối với bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Chi phí chung phân bổ cho các dự án đồng triển khai trên cơ sở kế hoạch doanh thu, chi phí của từng dự án. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê trung tâm, chi phí hỗ trợ bản quyền dạy học, chi phí khởi nghiệp ban đầu nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup, chi phí thi công các trung tâm và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê trung tâm thể hiện số tiền thuê đã được trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Chi phí hỗ trợ bản quyền dạy học được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng. Chi phí khởi nghiệp được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí thi công nội thất các trung tâm, chi phí thuê máy chủ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>30.09.2017</u>	<u>01.01.2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	100.974.183.908	171.923.739
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	66.106.382.075	2.053.520.836
Tiền đang chuyển	5.852.137.800	-
	<u>172.932.703.783</u>	<u>2.225.444.575</u>

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30.09.2017</u>	<u>01.01.2017</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<u>25.979.322.900</u>	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech	150.000.000	-
Các đối tượng khác	25.379.322.900	-
<i>b) Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<u>600.000.000</u>	-
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ - Cùng chủ sở hữu	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech - Cùng chủ sở hữu	150.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30.09.2017	01.01.2017
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	73.681.204.090	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Kiến trúc Bộ Ba	67.982.755.411	-
Franklin Learning Center	1.138.750.000	-
Bà Vũ Cẩm La Hương và ông Trần Thanh Hải	-	40.000.000.000
Các đối tượng khác	4.559.698.679	-
b) Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	40.000.000.000
Bà Vũ Cẩm La Hương và ông Trần Thanh Hải - Thành viên Ban Tổng Giám đốc	-	40.000.000.000

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30.09.2017	01.01.2017
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn là các bên liên quan	169.211.203.190	-
Công ty CP Anh ngữ Apax Academy - Công ty liên kết (i)	158.111.203.190	-
Công ty CP Anh ngữ Apax Speedy - Công ty liên kết (i)	10.000.000.000	-
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu (i)	1.000.000.000	-
Công ty cổ phần thiết bị giáo dục eschool(i)	100.000.000	-

Ghi chú: (i) Gồm các hợp đồng cho vay có tính lãi, kỳ hạn 12 tháng.

8. PHẢI THU KHÁC

	30.09.2017		01.01.2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	139.332.341.994	-	466.751.667	-
Ký cược, ký quỹ (i)	18.914.938.970	-	-	-
Tạm ứng	1.802.071.254	-	73.000.000	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Phải thu khác	118.615.331.770	-	393.751.667	-
- CTCP Anh ngữ APAX Academy - Công ty liên kết (ii)	12.801.390.040	-	-	-
- CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu (iii)	2.237.647.222	-	-	-
- CTCP Đầu tư và Phân phối Egame (iv)	57.236.111	-	-	-
- Lãi vay dự thu BIDV Thanh Xuân	4.350.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Studynet - Công ty liên kết (v)	191.636.250	-	-	-
- CTCP Anh ngữ APAX Speedy - Công ty liên kết (vi)	503.668.202	-	-	-
- Ông Đặng Văn Dương (vii)	57.150.000.000	-	-	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân(viii)	45.457.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	212.403.945	-	393.751.667	-
b) Phải thu khác dài hạn	17.800.067.325	-	-	-
Ký cược, ký quỹ (vii)	17.800.067.325	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại BIDV Thanh Xuân đang dùng để đảm bảo cho khoản vay như tại Thuyết minh số 20- Vay và nợ thuê tài chính;
- (ii) Phải thu do khoản góp vốn thừa vào Apax Academy;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (iii) Phải thu lãi theo các thỏa thuận cho vay ngắn hạn và tài trợ không điều kiện;
- (iv) Phải thu lãi theo các thỏa thuận cho vay ngắn hạn;
- (v) Phải thu lãi theo các thỏa thuận cho vay ngắn hạn và gốc khoản cho vay đã hết hạn hợp đồng;
- (vi) Gồm tiền góp vốn thừa và lãi vay phải thu;
- (vii) Phải thu do bán khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Igarten.

9. HÀNG TỒN KHO

	30.09.2017		01.01.2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.066.419.515	-	-	-
Hàng hoá	12.551.569.147	-	-	-
	13.617.988.662	-	-	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30.09.2017	01.01.2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	20.355.953.538	-
Chi phí hỗ trợ bản quyền dạy học	11.933.250.000	-
Chi phí thuê trung tâm	6.478.113.991	-
Chi phí bảo hiểm	93.905.293	-
Chi phí công cụ dụng cụ	153.918.566	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.696.765.688	-
b) Dài hạn	87.115.878.659	33.227.645
Chi phí mua bản quyền phần mềm	246.848.596	-
Chi phí đầu tư khởi nghiệp	51.534.754.576	-
Chi phí công cụ dụng cụ	6.528.983.631	33.227.645
Chi phí thi công nội thất	27.744.956.586	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.060.335.270	-

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng TS tại công ty con (i)	67.185.167.778	9.581.909.970	870.160.000	77.637.237.748
Tăng trong kỳ	204.725.357.705	-	802.350.909	205.527.708.614
Số dư cuối kỳ	271.910.525.483	9.581.909.970	1.672.510.909	283.164.946.362
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng TS tại công ty con (i)	2.343.190.813	2.710.828.371	55.632.067	5.109.651.251
Khấu hao trong kỳ	3.910.094.580	898.508.143	74.495.710	4.883.098.433
Số dư cuối kỳ	6.253.285.393	3.609.336.514	130.127.777	9.992.749.684
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	265.657.240.090	5.972.573.456	1.542.383.132	273.172.196.678

Ghi chú: (i) Tăng tài sản cố định hữu hình từ hoạt động đầu tư nắm quyền kiểm soát công ty con – Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax, Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng TS tại công ty con (i)	58.619.304.035	1.738.969.777	60.358.273.812
Số dư cuối kỳ	<u>58.619.304.035</u>	<u>1.738.969.777</u>	<u>60.358.273.812</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng TS tại công ty con (i)	5.670.358.530	403.694.000	6.074.052.530
Khấu hao trong kỳ	1.610.136.688	130.624.837	1.740.761.525
Số dư cuối kỳ	<u>7.280.495.218</u>	<u>534.318.837</u>	<u>7.814.814.055</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>51.338.808.817</u>	<u>1.204.650.940</u>	<u>52.543.459.757</u>

Ghi chú: (i) Tăng tài sản cố định hữu hình từ hoạt động đầu tư nắm quyền kiểm soát công ty con – Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax, Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten.

13. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	30.09.2017	01.01.2017
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Dự án Freetalk	9.803.520.521	-
	<u>9.803.520.521</u>	<u>-</u>

Dự án Freetalk là chương trình dạy tiếng Anh trực tuyến theo hình thức trò chuyện với giáo viên nước ngoài cho trẻ em. Dự kiến thời gian hoàn thành của dự án là 31/12/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Giá gốc		Số cuối kỳ		Giá trị hợp lý (i)		Giá gốc		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	VND		Dự phòng	VND	VND		VND		Dự phòng	VND	VND	
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	178.850.000.000		-	-	178.850.000.000		284.000.000.000		-	-	284.000.000.000	
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	-		-	-	-		284.000.000.000		-	-	284.000.000.000	
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	78.890.000.000		-	-	78.890.000.000		-		-	-	-	
Công ty Cổ phần Studynet	1.960.000.000		-	-	1.960.000.000		-		-	-	-	
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	98.000.000.000		-	-	98.000.000.000		-		-	-	-	
- Đầu tư vào đơn vị khác	599.100.000		(87.570.000)		511.530.000		853.700.000		-	-	853.700.000	
<i>Có phiếu niêm yết</i>												
Công ty Cổ phần Xi Măng X18 <i>Có phiếu chưa niêm yết</i>	125.100.000		(87.570.000)		37.530.000		125.100.000		-	-	125.100.000	
Công ty Cổ phần May Nam Định	360.000.000		-	-	360.000.000		360.000.000		-	-	360.000.000	
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	-		-	-	-		254.600.000		-	-	254.600.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000		-	-	114.000.000		114.000.000		-	-	114.000.000	
Cộng	179.449.100.000		(87.570.000)		179.361.530.000		284.853.700.000		-	-	284.853.700.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

b) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/09/2017 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax					
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	31,01%	45,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
3	Công ty cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Từ 01.01.2017

đến 30.09.2017

VND

Tại ngày đầu năm

Tăng trong kỳ (i)

Phân bổ vào chi phí trong kỳ

Tại ngày cuối kỳ

-

574.400.164.421

(19.146.672.148)

555.253.492.273

Ghi chú:

(i) Lợi thế thương mại được xác định theo chính sách như mô tả tại mục Lợi thế thương mại - Thuyết minh số 3:

a. Xác định giá pha loãng cổ phiếu của công ty con tại ngày mua

Nội dung	Số lượng cổ phiếu của công ty con	Giá cổ phiếu	Giá trị	Giá pha loãng cổ phiếu
Tại ngày 01/01/2017	11.810.000	71.000	838.510.000.000	
Phát hành riêng lẻ cho Chungdahm	5.061.429	13.425	67.949.684.325	
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	16.928.571	10.000	169.285.710.000	
Cộng	33.800.000		1.075.745.394.325	31.827

b. Xác định giá phí khoản đầu tư

Lần mua	Số lượng cổ phiếu	Giá mua	Giá gốc khoản đầu tư	Giá trị hợp lý cổ phiếu công ty con tại ngày mua	Giá phí khoản đầu tư
Lần mua thứ nhất	4.000.000	71.000	284.000.000.000	31.827	127.307.147.257
Lần mua thứ hai	11.717.000	10.000	117.170.000.000	31.827	372.914.461.104
Lần mua thứ ba	7.573.800	45.000	340.821.000.000	45.000	340.821.000.000
Cộng	23.290.800		741.991.000.000		841.042.608.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

c. *Xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần công ty mẹ nắm giữ tại ngày đạt quyền kiểm soát*

<u>Chi tiêu</u>	<u>Số tiền (VND)</u>
Tổng tài sản của công ty con tại ngày mua	899.271.315.758
Nợ phải trả của công ty con tại ngày mua	512.315.324.329
Giá trị ghi sổ Tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	386.955.991.429
Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ	68,91%
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần Công ty mẹ nắm giữ tại ngày đạt quyền kiểm soát	266.642.443.940

d. *Xác định Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua*

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua = 841.042.608.361 VND - 266.642.443.940 VND = 574.400.164.421 VND.

Lợi thế thương mại phát sinh do mua công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax; giá trị lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 120 tháng (10 năm) kể từ tháng hợp nhất đầu tiên; Giá trị phân bổ kỳ này tương ứng 04 tháng.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>30.09.2017</u>		<u>01.01.2017</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>a) Các khoản phải trả người bán ngắn</i>	46.751.289.995	46.751.289.995	3.000.000	3.000.000
Chungdahm Learning, Inc	33.168.480.000	33.168.480.000	-	-
Công ty CP In Trường Phát	2.039.687.500	2.039.687.500	-	-
Các đối tượng khác	11.543.122.495	11.543.122.495	3.000.000	3.000.000
<i>bên liên quan</i>	33.168.480.000	33.168.480.000	-	-
Chungdahm Learning, Inc - Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax	33.168.480.000	33.168.480.000	-	-

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30.09.2017</u>	<u>01.01.2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	3.737.725.405	249.295
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.391.802.494	2.785.230.592
Thuế thu nhập cá nhân	19.981.685.832	-
	52.111.213.731	2.785.479.887

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30.09.2017</u>	<u>01.01.2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	18.945.145.281	-
Trích trước chi phí thuê văn phòng	17.212.708.149	-
Trích trước chi phí lãi vay	251.766.667	-
Trích trước chi phí khác	1.480.670.465	-
b) Dài hạn	83.193.253.931	-
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm	81.314.489.948	-
Chi phí trích trước khác	1.878.763.983	-

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>30.09.2017</u>	<u>01.01.2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	206.162.773.426	-
Tiền học phí thu trước	206.162.773.426	-
b) Dài hạn	30.799.959.291	-
Tiền học phí thu trước	30.799.959.291	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Công ty chứng khoán MB	119.654.297.822	119.654.297.822	319.322.816.024	250.281.970.052	50.613.451.850	-
Công ty cổ phần chứng khoán Sacombank	-	-	33.754.559.779	33.754.559.779	33.754.559.779	-
Nguyễn Mạnh Phú - Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng (ii)	-	-	27.416.057.687	27.416.057.687	27.416.057.687	-
Nguyễn Ngọc Thủy - Chủ tịch HĐQT (ii)	-	-	49.130.080.000	49.130.080.000	-	-
Nguyễn Ngọc Khánh - Thành viên HĐQT (ii)	-	-	31.000.000.000	31.000.000.000	-	-
Nguyễn Thị Thanh Nhân (ii)	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Nguyễn Trường Sơn - Thành viên HĐQT CTCP Anh ngữ Apax (ii)	-	-	29.170.000.000	29.170.000.000	-	-
Trần Thanh Hải - Phó Tổng Giám đốc (iii)	-	-	26.300.000.000	26.300.000.000	-	-
Trái phiếu phát hành (iv)	1.060.000.000	1.060.000.000	1.960.000.000	900.000.000	-	-
Công ty CP Studynet - Công ty liên kết (v)	7.800.000.000	7.800.000.000	-	-	7.800.000.000	-
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (vi)	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thanh Xuân (vii)	99.972.330.614	99.972.330.614	77.125.285.138	-	22.847.045.476	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (viii)	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000	7.949.544.063	7.949.544.063	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (ix)	121.967.208	121.967.208	66.833.420	66.833.420	121.967.208	-
b) Vay dài hạn	386.229.518	386.229.518	-	97.325.222	483.554.740	-
Ngân hàng Tiên Phong Bank (x)	386.229.518	386.229.518	-	97.325.222	483.554.740	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Tăng khác trong kỳ là khoản điều chỉnh tăng khoản vay tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax;
- (ii) Khoản vay ngắn hạn các cá nhân theo các Hợp đồng vay vốn với thời hạn 2 tháng, lãi suất 0%/năm. Mục đích sử dụng khoản vay để mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax;
- (iii) Khoản vay ngắn hạn ông Trần Thanh Hải - Phó Tổng Giám đốc Công ty theo 03 hợp đồng vay vốn:
 - Hợp đồng vay vốn số 1204/HĐVV/HAI-IBC/2017 ngày 12/04/2017, số tiền 410.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm;
 - Hợp đồng số 01/HĐVV/HAI-IBC/2017 ngày 02/02/2017, số tiền 1.150.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 5,8%/năm; và
 - Hợp đồng số 2806/HĐVV/HAI-IBC/2017 ngày 28/06/2017, số tiền 400.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.
- (iv) Trái phiếu phát hành theo hợp đồng số 01052017/APAX-TP ngày 08/05/2017 với bà Phạm Thị Lan Hương, lãi suất 14%/năm, ngày đáo hạn là 08/5/2018;
- (v) Vay Công ty Cổ phần Studynet theo Hợp đồng cho vay tiền số 020/HDV-CN/2015/Apax ngày 15/01/2015, lãi suất 0%, thời hạn vay đến 15/10/2017;
- (vi) Vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered theo Hợp đồng số 25096520002 ngày 06/03/2017 và Hợp đồng số 25096520001 ngày 02/03/2017 thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 5%/năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo;
- (vii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/8674692/HĐTD ngày 02/06/2017, Thời hạn vay từ 02/06/2017 đến 31/05/2018. Hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VND, lãi suất 7,8%/năm, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là bất động sản và hợp đồng tiền gửi của Bà Nguyễn Thị Thu Hương và Ông Nguyễn Ngọc Thủy; hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng của Công ty tại BIDV Thanh Xuân;
- (viii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 07/2017/HĐTD/THNC/02 ngày 23/01/2017, hạn mức 8.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là 1 năm từ 23/01/2017 đến 23/01/2018. Tài sản đảm bảo là đất và tài sản trên đất của cá nhân Ông Nguyễn Ngọc Khánh;
- (ix) Vay cá nhân theo các hợp đồng vay không thời hạn, lãi suất 0%;
- (x) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng cho vay số 62/2016/HĐTD/THNC/01 ngày 14/11/2016, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất từ ngày nhận nợ đến 15/11/2017 là 7.9%/năm. Thời gian tiếp theo đến 15/11/2021: lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở 3 tháng dành cho khách hàng doanh nghiệp của TPBank tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3.15%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	63.010.600.000	-	(298.875.129)	-	62.711.724.871
Tăng vốn góp trong năm	250.000.000.000	-	-	-	250.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	11.864.880.343	-	11.864.880.343
Số dư đầu năm nay	313.010.600.000	-	11.566.005.214	-	324.576.605.214
Tăng vốn góp trong kỳ	375.789.400.000	90.531.970.000	-	-	466.321.370.000
Lãi trong kỳ	-	-	168.231.392.029	10.625.911.260	178.857.303.289
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua	-	-	-	171.806.939.534	171.806.939.534
Số dư cuối kỳ này	688.800.000.000	90.531.970.000	179.797.397.243	182.432.850.794	1.141.562.218.037

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.09.2017	01.01.2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	490.000.000.000	250.000.000.000
Ông Trần Thanh Hải	40.000.000.000	32.760.000.000
Các đối tượng khác	158.800.000.000	30.250.600.000
Cộng	688.800.000.000	313.010.600.000

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối
cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01.01.2017 đến 30.09.2017	Từ 01.01.2016 đến 30.09.2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	688.800.000.000	63.010.600.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	313.010.600.000	63.010.600.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	375.789.400.000	-
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	688.800.000.000	63.010.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	30.09.2017	01.01.2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.880.000	31.301.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.880.000	31.301.060
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.880.000	31.301.060
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
	VND	VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	244.271.309.706	-
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	9.511.508.500	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- Doanh thu cung cấp dịch vụ	234.682.489.842	-
- Doanh thu khác	77.311.364	-
b) Trong đó doanh thu với các bên liên quan	244.271.309.706	-
c) Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.052.943.500)	-
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	(4.052.943.500)	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	240.218.366.206	-
23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.712.723.901	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	102.332.001.613	-
	104.044.725.514	-
24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.450.378.771	-
	3.450.378.771	-
25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.616.304.066	-
Chi phí tài chính khác	121.149.947	-
	1.737.454.013	-
26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	38.556.234.999	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.388.174.097	-
Chi phí khác bằng tiền	13.170.802.270	-
Cộng	56.115.211.366	-
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	7.377.234.367	100.190.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	397.514.724	9.249.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	682.870.862	34.652.367
Lợi thế thương mại phân bổ	14.360.004.111	-
Chi phí bằng tiền khác	8.362.214.391	41.381.766
	31.179.838.455	185.474.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 3 năm nay VND	Quý 3 năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13.210.255.500	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.210.255.500	-

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý 3 năm nay VND	Quý 3 năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế	31.173.387.945	(169.400.365)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	31.173.387.945	(169.400.365)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu (i)	65.293.043	6.301.060
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	477,44	(26,88)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên lưu chuyển tiền tệ và báo cáo kết quả kinh doanh là theo số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/09/2016.



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

